

Bản án số 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYỀN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐXX-ST, ngày 18/ 8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện H, tỉnh H; Nay là Thôn D N, xã H, tỉnh T. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện H, tỉnh H. Nay là Thôn D N, xã H, tỉnh T, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là chị Đặng Thị S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị S và anh Đặng Văn H có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh H nay là xã H, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc sau đó khoảng vài năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Trong cuộc sống hằng ngày hai vợ chồng cũng

không có được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2023 đến nay, chị S và anh H mỗi người sống một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị S xin được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị S và anh H có 01 con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015. Sau khi ly hôn, chị S đề nghị cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị S cấp dưỡng nuôi con theo ý kiến của anh H mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chậm nhất là vào ngày 25 hằng tháng chị S sẽ gửi tiền cấp dưỡng cho anh H.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai anh H tại nơi cư trú. Anh H đã khai các nội dung sau: Chị S và anh H đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh H nay là xã H, tỉnh T và chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, chị S không quan tâm chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và đã không chung sống cùng nhau được khoảng 2 năm trở lại đây, anh H nhất trí đề Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Trong thời gian chung sống, chị S và anh H có một con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015 hiện cháu đang ở cùng anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu Tòa án quyết định cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Văn Đ đến khi con trưởng thành, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với số tiền là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị S được ly hôn anh Đặng Văn H; Về nuôi con chung: Giao cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi con Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị S phải

cấp dưỡng nuôi con 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng; Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với anh Đặng Văn H. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định. Anh H vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/8/2025, Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa đến nay anh H đã được tổng đạt văn bản hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Anh H và chị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H vào năm 2015. Anh H và chị S đều khai rằng sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng có chung sống cùng nhau sau đó có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Giữa chị S và anh H không có tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, không có sự đồng cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống. Giữa vợ chồng chị S và anh H nay không còn tình cảm vợ chồng, không còn chung sống và không quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H không lên Tòa án tham gia hòa giải vụ án nhưng đã có ý kiến tại biên bản lấy lời khai tại nơi cư trú là nhất trí ly hôn với chị S. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.” Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị S theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị S và anh H có một con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015. Sau khi ly hôn, chị S đề nghị cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, con chung hiện nay đang ổn định cuộc sống và được trông nom chăm sóc, đi học ở xã H và có nguyện vọng ở cùng anh H. Anh H không lên Tòa án để tham gia hòa giải vụ án nhưng trong biên bản lấy lời khai có thể hiện anh H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị S cấp dưỡng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng. Chị S cũng khai

nhất trí yêu cầu về con chung của anh H. Chị S bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chậm nhất ngày 25 hằng tháng chị S sẽ gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở quyết định giao cho anh Đặng Văn H trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành, hằng tháng chị Đặng Thị S có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Chị S bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chậm nhất ngày 25 hằng tháng chị S phải gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, chị Đặng Thị S đã có đơn xin được miễn tạm ứng án phí và án phí do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xx hội đặc biệt khó khăn. Chị S được miễn tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị S. Tuyên xử cho chị Đặng Thị S được ly hôn anh Đặng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015 cho anh Đặng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đặng Văn Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Hằng tháng, chị Đặng Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 đến khi Đặng Văn Đ, sinh ngày 05/7/2015 trưởng thành. Người nhận tiền là anh Đặng Văn H. Chậm nhất là vào ngày 25 hằng tháng, chị Đặng Thị S phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đặng Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị S được miễn toàn bộ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Hồ Thầu; tỉnh T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Hưởng

Hoàng Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Khuyên

